TAND HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HSST
Ngày 25 tháng 7 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:** Ông Giáp Quang Huy.

*** Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Ngô Thanh Xuân; 2. Ông Đặng Thiều Quang.

*** Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:** Ông Đỗ Ngọc Tĩnh-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đình Luyện- Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 25/7/2018, tại trụ sở TAND huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 29/2018/TLST-HS ngày 16/5/2018;

Đối với bị cáo:

- Họ và tên: Giáp Văn T, sinh năm 1977; Tên gọi khác: Không (có mặt).

- Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay:Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Chạy xe ôm; Trình độ văn hóa: 4/12.

- Họ tên bố: Giáp Văn N (đã chết); Họ tên mẹ: Phạm Thị T, sinh năm 1951. Nghề nghiệp: Làm ruộng tại thôn C, xã T, huyện L, tỉnh B; Gia đình có 04 anh em ruột, bị cáo là thứ nhất.

- Họ tên vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; Nghề nghiệp: Công nhân, hiện đang ở thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2007.

- Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2018 đến ngày 04/02/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn " Cấm đi khỏi nơi cư trú".

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Đồng Thị L, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991(vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1993(vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985(vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 15 phút ngày 29/01/2018, Công an huyện Lạng Giang kiểm tra hành chính Nhà nghỉ Như Ý do anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 ở thôn T Văn 1, xã T , huyện L, tỉnh Bắc Giang làm chủ, phát hiện tại phòng 303 và 304 của nhà nghỉ có 02 đôi nam nữ đang có hành vi mua bán dâm. Cụ thể là: Tại phòng 303, người bán dâm là Đồng Thị L, sinh năm 1979 ở thôn Đ, xã P, huyện L và người mua dâm tự khai là Nguyễn Văn L, sinh năm 1993 ở thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tại phòng 304, người bán dâm là Nguyễn Thị M, sinh năm 1991 ở thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang và người mua dâm tự khai là Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 ở thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Quá trình kiểm tra đã thu trên giường trong phòng số 303, 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Doc tor cùng 01 bao cao su đã qua sử dụng; thu trên giường trong phòng số 304: 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Doc tor cùng 01 bao cao su đã qua sử dụng.

Nguyễn Thị M giao nộp 650.000đ, trong đó có 300.000đ là tiền bán dâm, 01 điện thoại Nokia, 01 điện thoại Samsung.

Đồng Thị L giao nộp 01 bao cao su nhãn hiệu Freedom chưa qua sử dụng, số tiền 300.000đ là tiền bán dâm, 01 điện thoại Nokia số seri 3559270457045, L khai sử dụng để liên lạc mua bán dâm và 01 xe mô tô Wave α BKS 98B3-145.76.

Nguyễn Văn L giao nộp 01 điện thoại Nokia seri 1357336085938964 và số seri 2357339080516967, L khai sử dụng để liên lạc mua bán dâm.

Kiểm tra hành chính đối với Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Đồng Thị L và Nguyễn Thị M, các đối tượng này đều khai nhận mua bán dâm theo sự dẫn dắt của Giáp Văn T, sinh năm 1977 ở thôn C, xã T, huyện L.

Tại thời điểm kiểm tra hành chính Nhà nghỉ Như Ý, Giáp Văn T đang ngồi đợi ở tầng 1 để đưa L và T về thị trấn Vôi theo thỏa thuận. Căn cứ vào lời trình bày của L, L1, M và T, xác định có dấu hiệu của tội phạm nên Cơ quan điều tra đã lập biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Giáp Văn T và thu giữ của T 01 điện thoại di động Samsung S màu trắng; 01 ví da màu nâu bên trong có 01 chứng minh nhân dân, 01 đăng ký xe mô tô, 02 giấy phép lái xe đều mang tên Giáp Văn T; số tiền 3.760.000đ, trong đó có 400.000đ tiền L trả tiền môi giới mại dâm và 200.000đ tiền trả công chở gái bán dâm và 01 xe mô tô Hon da Wave S màu xám đen có biển kiểm soát 98N5-8995.

- Tại Cơ quan điều tra, Giáp Văn T khai nhận: Bản thân T làm nghề lái xe ôm, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, thu nhập từ nghề lái xe ôm không ổn định. Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 29/01/2018, khi T đang chờ khách đi xe ôm ở khu vực ngã tư Kế, thành phố Bắc Giang thì có 01 nam giới gọi đến số điện thoại 0961.043.894 của T bảo "Anh có quen đứa nào làm công ty, công cò gì không, bố trí cho em hai đứa để đi chơi" , T hiểu là người này muốn tìm gái để mua dâm. T đồng ý tìm gái bán dâm cho khách để thu lợi. T hẹn với khách mua dâm khi nào có sẽ gọi điện thông báo sau. Trước đó, T có quen với Đồng Thị L nên đã gọi điện bảo L đi bán dâm nhưng không thấy L nghe máy. T tiếp tục vừa chạy xe ôm chở khách vừa tìm gái đi bán dâm cho khách. Khi T đi đến phố Cốc, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang thì gặp Nguyễn Thị M (T từng đi hát với M nên quen biết với M) đang đi bộ trên đường, T bảo "anh có thằng bạn muốn đi chơi, em có đi không". M hiểu ý là T bảo M đi bán dâm cho khách, M đồng ý thỏa thuận giá đi bán dâm cho khách là 300.000đ. T đồng ý rồi bảo M lên xe để T chở đi bán dâm cho khách. Lúc này, T kiểm tra điện thoại thấy có cuộc gọi nhỡ của L nên T gọi điện bảo L đi chơi với khách (tức bán dâm cho khách). L đồng ý điều khiển xe mô tô 98B3-145.76 ra ngã tư Kế, thành phố Bắc Giang gặp T. Quá trình T tìm gái bán dâm cho khách, giữa T với khách hỏi mua dâm có liên lạc, nhắn tin thỏa thuận giá mua bán dâm là 500.000đ/01 lần mua dâm và hẹn địa điểm mua bán dâm ở nhà nghỉ Như Ý. Khi L ra ngã tư Kế gặp T, T chở M và bảo L đi theo T lên nhà nghỉ Như Ý để bán dâm. Gần đến nhà nghỉ Như Ý, T điện thoại cho khách mua dâm xuống đón. Khi đến nơi, T thấy 02 người khách đã đợi sẵn ở cửa. Một trong hai người khách gọi T vào nói chuyện và đưa cho T 1.200.000 (bao gồm tiền mua dâm cho 02 người là 1.000.000đ và tiền công trả cho T chở gái bán dâm đến là 200.000đ). T cầm tiền cất vào ví rồi lấy tiền của mình đưa cho M 600.000đ và bảo trả M và L mỗi người 300.000đtiền bán dâm. T dự định sẽ trả tiền nhà nghỉ cho khách hết 200.000đ. Sau đó, T bảo M và L đi theo để bán dâm cho khách. Khi T đang ngồi đợi ở tầng 01 nhà nghỉ Như Ý để chở khách mua dâm về thị trấn Vôi thì bị Công an kiểm tra hành chính, phát hiện và lập biên bản như trên.

- Về vật chứng: Đối với 02 chiếc điện thoại và số tiền 350.000đ do Nguyễn Thị M giao nộp; 01 chiếc xe mô tô 98B3-145.76 thu giữ của Đồng Thị L (mục đích L sử dụng để đi mua thuốc cho con); 02 giấy phép lái xe, 01 đăng ký xe mô tô, 01 chứng minh nhân dân mang tên Giáp Văn T không liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho M, L và T. Vật chứng còn lại gồm: 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu Doctor; 02 bao cao su đã qua sử dụng; 01 bao cao su nhãn hiệu Freedom chưa qua sử dụng; 02 điện thoại Nokia; 01 điện thoại Samsung Galaxy S màu trắng, 01 xe mô tô 98N5-8995, 01 ví da màu nâu và số tiền 4.360.000đ, Cơ quan điều tra nhập kho vật chứng và chuyển để giải quyết cùng vụ án.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS nào; Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong quá trình điều tra Giáp Văn T đều khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng, đây là những tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Tại bản cáo trạng số: 31/CT-VKS-LG ngày 15/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang truy tố bị cáo Giáp Văn T về tội "Môi giới mại dâm" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay; Bị cáo Giáp Văn T đã khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) Tuy nhiên; Tòa án đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy báo phiên tòa hợp lệ; Bị cáo và Đại diện viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt những người này; Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt và công bố lời khai của họ theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện VKSND huyện Lạng Giang trình bày quan điểm luận tội như sau:** - Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Giáp Văn T phạm tội "Môi giới mại dâm"

- Áp dụng điểm đ khoản 2, khoản 4 Điều 328; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; 50; 65 BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Giáp Văn T 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 05 năm. Phạt bổ sung 10.000.000đ đến 15.000.000đ sung quỹ Nhà nước. Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện Lạng Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015; Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu Doctor; 02 bao cao su đã qua sử dụng; 01 bao cao su nhãn hiệu Freedom chưa qua sử dụng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 điện thoại Nokia; 01 điện thoại Samsung Galaxy S màu trắng, 01 xe mô tô 98N5-8995 và số tiền 1.200.000đ.

- Trả lại bị cáo Giáp Văn T 01 ví da màu nâu và 3.160.000đ nhưng tạm gữ để đảm bảo Thi hành án.

- Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật hình sự năm 2015;Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu án phí HSST theo qui định của pháp luật.

- Bị cáo không tranh luận gì với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát.

- Bị cáo nói lời sau cùng; mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị để bị cáo có cơ hội tu rưỡng, rèn luyện sau này trở thành người lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, Căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 29/01/2018, trong khi Giáp Văn T đang ngồi chờ khách đi xe ôm ở khu vực ngã tư Kế, thành phố Bắc Giang, thì có đối tượng mua dâm tự khai là Nguyễn Văn L đặt vấn đề mua dâm cho 02 người với giá 500.000đồng/01 lần mua dâm; Giáp Văn T đồng ý và gọi điện cho Đồng Thị L1 và đón Nguyễn Thị M đến nhà nghỉ Như Ý ở thôn T Văn 1, xã T , huyện Lạng Giang để bán dâm cho khách và T đã nhận 1.200.000đ của L để môi giới cho Đồng Thị L bán dâm cho Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị M bán dâm cho đối tượng mua dâm tự khai là Nguyễn Văn T đi cùng L. Các đối tượng thu lợi bất chính như sau; Đồng Thị L1 là 300.000đ; Nguyễn Thị M là 300.000đ; Giáp Văn T là 600.000đ.

Hành vi mà bị cáo thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội được quy định trong BLHS năm 2015; Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang truy tố bị cáo Giáp Văn T về tội danh "Môi giới mại dâm" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Diều 328 BLHS năm 2015, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hiện nay loại tội phạm này đang có chiều hướng ngày một ra tăng, gây mất trật tự, an toàn xã hội, do đó cần áp dụng mước hình phạt tù tưng xứng với tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện mới có đủ điều kiện để giáo dục giêng và phòng ngừa chung cho loại tội này. Song bị cáo là người có nhân thân tốt và không có tình tiết tăng nặng TNHS nào được quy định tại Điều 52 BLHS năm 2015; Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị có khai báo thành khẩn; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến; Do đó bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình.

- Xét thấy: Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 và Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù giam mà chỉ cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt

tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, đồng thời giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng có đủ điều kiện để cải tạo bị cáo, giáo dục bị cáo chở thành người lương thiện. Việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Vật chứng là 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu Doctor; 02 bao cao su đã qua sử dụng; 01 bao cao su nhãn hiệu Freedom chưa qua sử dụng, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

Vật chứng là 02 điện thoại Nokia; 01 điện thoại Samsung GalaxyS màu trắng, 01 xe mô tô 98N5-8995 và số tiền 1.200.000đ lên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Vật chứng là 01 ví da màu nâu và 3.160.000đ không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo, nhưng tạm gữ để đảm bảo Thi hành án.

Bị cáo phải chịu án phí HSST theo qui định của pháp luật.

Bị cáo, ng- ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đ- ợc quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Giáp Văn T phạm tội "Môi giới mại dâm".

2.Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2, khoản 4 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Giáp Văn T 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 05 năm; Phạt bổ sung 10.000.000đồng sung quỹ nhà nước; Giao bị cáo Giáp Văn T cho UBND xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu Doctor; 02 bao cao su đã qua sử dụng; 01 bao cao su nhãn hiệu Freedom chưa qua sử dụng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 điện thoại Nokia; 01 điện thoại Samsung Galaxy S màu trắng, 01 xe mô tô 98N5-8995 và số tiền 1.200.000đồng.

- Trả lại bị cáo T 01 ví da màu nâu và 3.160.000đồng nhưng tạm gữ để đảm bảo Thi hành án.

4.Về án phí: □p dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Giáp Văn T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

□n xử công khai sơ thẩm; Báo cho bị cáo đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ng- ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày đ- ợc giao nhận bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Bị cáo;Ngườiliên quan;;*
- *VKS huyện Lạng Giang;*
- *THA huyện Lạng Giang;*
- *UBND xã T*
- *Lưu hô sơ, Văn phòng..*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký
Giáp Quang Huy